TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 28-02-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thành

2. Bà Trần Việt Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2018/QĐXX-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị V**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1986

Bà **Phạm Thị Trang Bích L**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ Y, ấpV, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị V trình bày:**

Do quen biết nên vào năm 2016, bà Phan Thị V có bán vật liệu xây dựng cho ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị Trang Bích L nhiều lần để cất nhà. Đến ngày

11-12-2016, sau khi kết sổ nợ mua vật liệu xây dựng, ông P bà L còn nợ bà V số tiền 48.820.000đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng). Ngày 03-9-2017, ông P bà L có viết giấy nhận nợ và tự nguyện chịu tiền lãi 2%/tháng đối với số tiền 48.820.000đ. Ông P bà L nhiều lần hứa trả nợ cho bà V nhưng không thực hiện.

Do đó, bà V yêu cầu ông P và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 48.820.000đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) nợ gốc, lãi suất từ ngày 11-12-2016 đến ngày 11-6-2018 là 17.568.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-8-2018, đồng bị đơn Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị Trang Bích L trình bày:

Ông P và bà L xác nhận có nợ tiền mua vật liệu xây dựng của bà V tính đến ngày 11-12-2016 là 48.820.000đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng). Năm 2017, ông bà có làm giấy nhận nợ với bà V, nội dung ông bà còn nợ bà V số tiền 48.820.000đ và tự nguyện chịu lãi suất 2%/tháng. Từ lúc làm biên nhận nợ đến khi bà V khởi kiện ông bà chưa thanh toán tiền vốn và lãi suất cho bà V. Tuy nhiên, vào ngày 21-7-2018, ông bà có trả cho bà V 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với điều kiện bà V phải rút đơn khởi kiện.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà V, ông bà chỉ đồng ý trả số tiền vốn còn nợ là 38.820.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng). Đối với số tiền lãi, do trước đây bà V đã thỏa thuận bỏ lãi suất nên ông bà không đồng ý trả lãi. Về phương thức trả nợ thì khi nào ông bà có tiền sẽ trả cho bà V một lần số tiền 38.820.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông P, bà L trả cho bà số tiền vốn 38.820.000đ và lãi suất chậm trả tính từ ngày 11-12-2016 đến khi xét xử xong vụ án, không yêu cầu số tiền lãi 17.568.000đ.

- Bị đơn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến bổ sung đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phong và bà Liễu trả cho bà Vẹn số tiền 38.820.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị Trang Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng giữa bà Phan Thị V và ông Nguyễn Thanh P, bà Phạm Thị Trang Bích L có xảy ra, hợp đồng mua bán tài sản giữa bà V và ông P, bà L là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự nên được xem xét giải quyết khi có tranh chấp.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đã xác định được ông P, bà L có mua vật liệu xây dựng của bà V và còn nợ số tiền 48.820.000đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng), thời gian kết sổ nợ là 11-12-2016, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, không thỏa thuận cụ thể thời gian trả nợ. Từ khi xác nhận nợ, ông P, bà L đã trả cho bà V số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn nợ bà V số tiền 38.820.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

Như vậy, bên bán là bà V đã giao đủ vật liệu xây dựng cho bên mua là ông P, bà L, nhưng ông P và bà L chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự. Việc ông P, bà L chậm thanh toán nợ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bà V. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà V được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông P, bà L có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 38.820.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

[3] Về lãi suất chậm trả:

Theo lời trình bày cả các đương sự, các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng đối với số tiền nợ 48.820.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà V rút lại yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng đối với số tiền nợ đến ngày 11-06-2018 là 17.568.000đ, chỉ yêu cầu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 11-12-2016 đến ngày xét xử là ngày 28-02-2019 (tương đương 26 tháng 17 ngày) đối với số tiền còn nợ là 38.820.000đ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự, yêu cầu của bà V về lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là hợp lý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo quy định của pháp luật tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự lãi suất chậm trả là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông P, bà L có trách nhiệm trả cho bà V số tiền lãi chậm trả là:

38.820.000đ x 1,66% x 26 tháng 17 ngày = 17.119.879đ (Mười bảy triệu một trăm mười chín ngàn tám trăm bảy mươi chín đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Bà Phan Thị V được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 55.939.879đ x 5% = 2.796.994đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi bốn đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 357, Điều 430, Điều 440 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V. Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị Trang Bích L phải thanh toán cho bà Phan Thị V số tiền 55.939.879đ (Năm mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi chín đồng), trong đó số tiền vốn gốc là 38.820.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) và lãi suất chậm trả tính đến ngày 28-02-2019 là 17.119.879đ (Mười bảy triệu một trăm mười chín ngàn tám trăm bảy mươi chín đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Phan Thị V được nhận lại số tiền 1.659.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003575 ngày 12-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị Trang Bích L phải chịu 2.796.994đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-02-2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc được bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao